

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:88/2019/HS-ST

Ngày: 27-8-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lệ

2. Ông Lưu Văn Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thơ-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Hoài Phương-Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:143/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Kiều Tiến Q. Giới tính: Nam; Sinh năm 1981 tại Gia Lai.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số nhà 25/8 đường P, tổ 04, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Thợ sơn; Con ông Kiều Đình V và bà Trịnh Thị B; Bị cáo có vợ là Đinh Thị H (Đã ly hôn) và có 02 con (sinh năm 2006 và sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Kiều Tiến Q bị tạm giữ từ ngày 19/4/2019 và bị tạm giam từ ngày 26 tháng 4 năm 2019 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Ông Đặng Quốc H-Người chứng kiến. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Kiều Tiến Q là người có sử dụng ma túy. Thông qua các mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội nên biết số điện thoại của một người thanh niên (không rõ lai lịch) có bán ma túy. Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 18/4/2019, Q đi bộ từ nhà ra đường P và gặp một người đàn ông chạy xe ôm (không rõ họ tên, địa chỉ), Q đã mượn điện thoại của người xe ôm này gọi điện thoại cho người thanh niên để hỏi mua ma túy thì người thanh niên đồng ý và hẹn

gặp ở khu vực ngã ba H, thành phố P. Sau đó, Q đi bộ đến chỗ đã hẹn với người thanh niên. Tại đây, Q đã mua của người thanh niên này 02 gói ma túy đá với số tiền 3.000.000 đồng; người thanh niên có đưa thêm cho Q 01 ống thủy tinh hình móc câu để sử dụng ma túy. Sau khi mua xong, Q đi bộ mang số ma túy về tại số nhà 25/8 đường P, tổ 04, phường T, thành phố P. Sau đó, Q lấy một ít ma túy ra sử dụng, số còn lại Q cất giấu tại phòng ngủ để sử dụng dần. Đến 14 giờ 00 phút ngày 19/4/2019, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về Ma túy Công an thành phố P phối hợp với Công an phường T, thành phố P kiểm tra và phát hiện bắt quả tang Kiều Tiến Q đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà của Q; thu giữ trên bàn trong phòng ngủ của Q 02 gói nilon bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể (đã được niêm phong theo quy định) và 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu cùng ống hút nhựa. Tại Cơ quan điều tra, Q khai nhận số ma túy trên là ma túy đá do Q mua về để sử dụng dần.

Qua giám định, tại bản kết luận giám định số 325 ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 gói nilon, trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 2,2752 gam”*.

Về vật chứng: Chất ma túy còn lại sau giám định loại Methamphetamine trong 01 bì dán kín ghi số 325/PC09, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu cùng ống hút nhựa là dụng cụ để Q sử dụng ma túy.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại Bản Cáo trạng số 114/CT-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Kiều Tiến Q về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản Cáo trạng đối với bị cáo Kiều Tiến Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Kiều Tiến Q với mức án từ 18 đến 24 tháng tù.

Về vật chứng: Đề nghị căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: Chất ma túy còn lại sau giám định loại Methamphetamine trong 01 bì dán kín ghi số 325/PC09, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu cùng ống hút nhựa.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Kiều Tiến Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 14 giờ ngày 19/4/2019, tại số nhà 25/8 đường P, tổ 04, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai, khi Kiều Tiến Q đang có hành vi tàng trữ 2,2752 gam chất ma túy loại Methamphetamine, với mục đích để sử dụng thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, thu giữ cùng tang vật.

Tại Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi quy định tại Điều này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc một trong các tội quy định tại các điều 248, 250, 251 và 252 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

b) Nhựa thuốc phiện, nhựa cần sa hoặc cao côca có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam;

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...”.

Hành vi tàng trữ 2,2752 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng do bị cáo Kiều Tiến Q thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi đó của bị cáo Kiều Tiến Q đã phạm vào tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* được quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo Kiều Tiến Q hoàn toàn nhận thức được việc tàng trữ ma túy là trái pháp luật nhưng do bản thân có sử dụng ma túy và không có ý thức chấp hành pháp luật nên bị cáo đã thực hiện hành vi tàng trữ 2,2752 gam chất ma túy loại Methamphetamine với mục đích

để sử dụng. Hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung đối với tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và gia đình bị cáo có công với Nhà nước, tại phiên tòa bị cáo đã cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận của Ban chỉ huy quân sự huyện M thuộc Bộ Tư Lệnh Thủ Đô Hà Nội về việc bố bị cáo là ông Kiều Đình V đã có thời gian tham gia phục vụ trong quân đội từ tháng 5 năm 1971 đến tháng 7 năm 1976. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử sẽ xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình, hòa nhập cộng đồng và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[3] Về vật chứng vụ án:

Đối với vật chứng vụ án gồm: Chén ma túy còn lại sau giám định loại Methamphetamine trong 01 bì dán kín ghi số 325/PC09, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu cùng ống hút nhựa là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về các vấn đề khác:

Về án phí: Bị cáo Kiều Tiến Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với đối tượng nam thanh niên là người đã bán ma túy cho bị cáo Q và người đàn ông đã cho Q mượn điện thoại để liên lạc mua ma túy. Do Q không biết được lai lịch của các đối tượng này và cũng không nhớ số điện thoại của đối tượng bán ma túy cho Q nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh và xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Kiều Tiến Q phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 50; Điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Kiều Tiến Q 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, sau đó tạm giam (19/4/2019).

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 bì dán kín ghi số 325/PC09, có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai và 01 chai nhựa có gắn ống thủy tinh hình móc câu cùng ống hút nhựa.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/8/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố P, tỉnh Gia Lai và Chi cục thi hành án dân sự thành phố P).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Kiều Tiến Q phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Nhà tạm giữ-Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Rmah HThuyên